

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỪNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/HS-ST

Ngày 31 - 7 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỪNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Quốc Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khoa và ông Phương Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Ma Kim Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại Nhà văn hóa tổ dân phố 02, thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 55/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Hoàng Văn D; tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; Sinh ngày 09/01/1995 tại huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xóm Đ, xã P, huyện T, tỉnh C; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông H, sinh năm 1972 và bà T, sinh năm 1972; Vợ: Đ, sinh năm 1993 và 01 con sinh năm 2018.

Tiền án: Ngày 29/01/2021, bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 24 tháng về Tội tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép, quy định tại Điều 348 Bộ luật hình sự, ngày 23/01/2023 đã chấp hành xong thời gian thử thách.

Tiền sự: Bị cáo có 02 tiền sự; Ngày 03/10/2022, bị Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Ngày 07/3/2023, bị Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi mua các số lô, số đề.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 12/4/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt).

*** Bị hại:**

- Bà N1, sinh năm 1971; Địa chỉ: xóm Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh C. (Có mặt)
- Ông L, sinh năm 1971; Địa chỉ: xóm Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh C. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
- Ông Q, sinh năm 1990; Địa chỉ: xóm Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh C (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
- Ông G, sinh năm 1990; Địa chỉ: xóm B, xã C, huyện T, tỉnh C (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
- Bà A, sinh năm 1961; Địa chỉ: xóm P, xã C, huyện T, tỉnh C (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
- Bà Đ, sinh năm 1964; Địa chỉ: xóm Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh C (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
- Ông N, sinh năm 1962; Địa chỉ: xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh C (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
- * *Người làm chứng đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
- Bà N2, sinh năm 1990; Địa chỉ: xóm Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh C (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng tiếp nhận hồ sơ tố giác về tội phạm của Công an xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng về việc: ông N, sinh năm 1962, trú tại: xóm B, xã Đ, huyện T tố giác 01 nam thanh niên, tự xưng là T, là người thân của cán bộ Công an xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông với số tiền 200.000 đồng.

Kết quả điều tra xác định: thanh niên tên T có tên thật là Hoàng Văn D, sinh năm 1995, trú tại xóm Đ, xã P, huyện T, tỉnh C có 01 tiền án và 02 tiền sự, trong đó: 01 tiền sự, ngày 03/10/2022, Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tại Cơ quan điều tra, Hoàng Văn D khai nhận: Bản thân nghiện ma túy, do không có tiền để mua ma túy nên đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Từ tháng 3 năm 2023 đến đầu tháng 4 năm 2023, D đã 09 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể:

- Vụ thứ nhất: Trong tháng 3 năm 2023, D đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với vợ chồng N1 và L, đều sinh năm 1971, cùng trú tại xóm Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh C 04 (bốn) lần với số tiền 1.200.000 đồng, như sau:

+ Lần thứ nhất: D đi xe mô tô đến trước cửa hàng tạp hóa ông L, ở bên phải đường, cách Đồn Biên phòng xã Đ khoảng 200 mét về hướng xã Đ. D đi vào trong quán, gặp bà N1 (vợ ông L) D nói “*cô ơi cho cháu mượn 200.000 đồng để cháu xuống sổ đám cưới*”. Bà N1 có hỏi lại “*cháu là người ở đâu? cô có biết cháu*

đâu?”. D đưa ra thông tin “*cháu ở trên huyện T, đi xuống đây ăn cưới nhưng thiếu tiền xuống số 200.000 đồng, cháu là em của anh B làm Công an xã Đ*”. Sau đó, bà N1 đưa tiền cho D 200.000 đồng.

+ Lần thứ hai: sau lần thứ nhất 02 ngày, D tiếp tục đến cửa hàng tạp hóa L. Tại đây, D gặp ông L. D hỏi ông L “*chú ơi, cô đâu rồi*”. Ông L nói cô không có nhà, D nói tiếp “*hôm trước cháu mượn cô 200.000 đồng rồi, chú cho cháu mượn thêm để lấy hàng Shipper*”. Ông L có hỏi lại “*thế cháu là ai? nhà ở đâu?*”. D đưa ra thông tin “*cháu là em của anh B làm ở Công an xã này*”. Do tin tưởng, ông L đã đưa cho D số tiền 200.000 đồng;

+ Lần thứ ba: thấy vợ chồng ông L, bà N đã tin tưởng mình. Sau lần thứ hai 02 ngày, D tiếp tục đến quán tạp hóa của ông L hỏi vay tiền để mua ma túy tiếp. Tại đây, D gặp ông L, D tiếp tục hỏi vay tiền nhưng ông L không cho. Biết không thể nào vay được tiền, D đã lấy giấy phép lái xe của mình đưa cho ông L để làm tin. D lấy với ông L 400.000 đồng tiền mặt, sau đó lấy thêm thuốc lá và nước uống tại cửa hàng ông L với số tiền 200.000 đồng. Tổng số tiền lần thứ ba, D lấy với ông L 600.000 đồng;

+ Lần thứ tư: cách lần thứ ba 02 ngày, D tiếp tục đến cửa hàng tạp hóa ông của L. Lần này, D gặp bà N1. D nói “*cô cho cháu vay thêm 200.000 đồng nữa, để cho đủ 1.000.000 đồng, hôm trước cháu để bằng lái của cháu ở đây với chú rồi*”. Bà N1 đưa cho D 200.000 đồng.

- Vụ thứ hai: khoảng 12 giờ ngày 23/3/2023, D điều khiển xe mô tô từ thị trấn Trùng Khánh đến quán Cà phê “N” thuộc xóm Đ, xã Đ, huyện T. D đi vào trong quán gặp anh Q, sinh năm 1990, có vợ là chị N2, sinh năm 1990, thời điểm đó N2 đang nằm nghỉ trong giường cách quầy 03 mét. D ngồi tại bàn uống nước nói chuyện với anh Q. D hỏi anh Q “*anh có tiền không? cho em 190.000 đồng, em chuyển khoản cho*”. Anh Q có hỏi “*em ở đâu? xuống đây có việc gì*”. D nói “*em là em vợ của anh B- Công an xã Đ, xuống đây có ít việc, đang lấy hàng với Shipper mà không có đủ tiền mặt*”. D cho Q số điện thoại của D. Q đưa 190.000 đồng và số tài khoản của mình cho D. D hẹn tối sẽ chuyển khoản cho Q và rời khỏi quán.

- Vụ thứ ba: khoảng 11h30 ngày 24/3/2023, D lên con thềm ma túy. D mượn xe mô tô đi từ thị trấn T đến xã C, huyện T với ý định từ trước là tìm địa điểm phù hợp để tiếp tục thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Trên đường đi, D thấy hiệu sửa xe mô tô, máy nông nghiệp của anh G, sinh năm 1973, trú tại xóm B, xã C, huyện T ở bên cạnh đường, cách trụ sở Ủy ban nhân dân xã C, huyện T khoảng 50 mét. D dừng xe gọi điện thoại cho anh G. Khi gặp anh G, D hỏi “*anh có tiền không, cho em vay để lấy hàng Shipper*”. G hỏi D “*em là ai?*”. D tự xưng “*em trước đây lái xe cho GH chở hàng cho anh mà*”. Anh G nói “*anh không nhớ em là ai*”. D nói tiếp “*em là em của anh S làm Công an xã C đây mà*”. Tin lời D, G đưa cho D 250.000 đồng.

- Vụ thứ tư: khoảng cuối tháng 3 năm 2023, D lên con nghiện ma túy, nên mượn xe mô tô đi từ thị trấn T về hướng xã Đ với mục đích tìm địa điểm thích hợp

thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Khi đi qua chợ P, xã C, huyện T, D nhìn thấy hiệu thuốc tân dược có tên “MK” của bà A, sinh năm 1961, đang ngồi bán hàng. D đi đến trước cửa hiệu thuốc gặp bà A và nói *“bà ơi có tiền mặt không cho cháu mượn 230.000 đồng để trả tiền hàng với xe bus”*. Bà A hỏi lại *“cháu là ai, người ở đâu? Sao lại cần tiền?”*. D đưa ra thông tin *“cháu là anh của S, làm trưởng Công an xã C. Hôm nay anh S có việc không ở nên không lấy được tiền, bà cho cháu vay rồi cháu trả sau”*. Sau khi nghe D trình bày, bà A đã tin tưởng đưa cho D 230.000 đồng.

- Vụ thứ năm: vào hồi 13 giờ 51 phút ngày 29/3/2023, Hoàng D tiếp tục mượn xe mô tô đi từ thị trấn T đến xã Đ với mục đích tìm địa điểm phù hợp với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Khi đi qua cửa hàng thuốc tân dược số 37 thuộc xóm Đ, xã Đ, huyện T, cách trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ 200 mét, cửa bà Đ, sinh năm 1964, thường trú tại Đ, xã Đ, huyện T. D dừng xe ở ngoài đường, đi bộ đến trước cửa hiệu thuốc nói với bà Đ *“cô cho cháu vay 200.000 đồng, chiều cháu trả cô”*. Bà Đ hỏi D *“cháu là ai ? ở đâu?”*. Đ đáp *“cháu làm ở Công an xã Đ, cháu đang cần tiền để trả Shipper”*. Bà Đ tin tưởng nên đã đưa tiền cho D 200.000 đồng. Sau khi D đi khỏi, bà nghi ngờ nên đã kiểm tra lại Camera lắp đặt tại quầy thuốc.

- Vụ thứ sáu: đến trưa ngày 06/4/2023, cũng như các lần trước, D điều khiển xe mô tô từ thị trấn T xuống xã Đ, mục đích tìm cửa hàng nhỏ lẻ, các cửa hàng thường có người già trông coi với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Khi đi đến xóm B, xã Đ, huyện T. D đi vào cửa hàng tạp hóa ông N, sinh năm 1962, trú tại xóm B, xã Đ, huyện T. D nói với ông N *“chú có tài khoản ngân hàng không, cháu chuyển cho chú 200.000 đồng để cháu lấy tiền mặt”*. Ông N trả lời *“chú không có tài khoản”*. D nói *“chú cho cháu mượn 200.000 đồng để cháu lấy hàng với Shipper”*. Ông N nói tiếp *“chú có biết cháu là ai đâu mà cho cháu mượn tiền được”*. D đáp *“cháu là B đang công tác tại Công an xã Đ, chiều cháu đi làm cháu qua trả tiền”*. Khi nghe D nói vậy, ông N tin tưởng nên đưa cho D 200.000 đồng.

Toàn bộ số tiền lừa đảo chiếm đoạt được của các bị hại trên, D đã đi mua ma túy về sử dụng cho bản thân.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đối với số tài sản tạm giữ của D xác định được: 01 (một) tờ giấy có kích thước 16cm x 8cm là loại mực giấy in được cắt ra từ sổ bán hàng (thuốc) một mặt có nội dung bằng bút mực xanh (đã được dùng bút dạ quang ghi đè lên) có chữ ký của người cung cấp (Đ) và Điều tra viên. Tờ giấy mô tả trên được đựng trong (01) một phong bì ghi: *“Tờ giấy do bà Đ cung cấp ngày 12/4/2023”* mặt sau phong bì có đóng hình con dấu của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh, do trên tờ giấy có ghi thông tin liên quan đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo D xảy ra ngày 29/3/2023 tại cửa hàng thuốc của bà Đ; 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C, số 040170001269, do Sở Giao thông vận tải tỉnh Cao Bằng cấp ngày 14/3/2023 mang tên Hoàng Văn D. Giấy phép lái xe được đựng trong phong bì thư, mặt trước

phong bì ghi: “01 (một) giấy phép lái xe mang tên Hoàng Văn D giao nộp ngày 02/5/2023” mặt sau phong bì có đóng hình con dấu của Cơ quan CSĐT Công an huyện Trùng Khánh không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 57/CT-VKSTK, ngày 28 tháng 6 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Hoàng Văn D ra trước Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng để xét xử về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Văn D thừa nhận Cáo trạng phản ánh đúng diễn biến hành vi phạm tội, việc truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Bị cáo nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật.

Tại phiên tòa, bị hại bà N1 trình bày: Trong tháng 3 năm 2023, D đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với vợ chồng bà tại xóm Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh C 04 (bốn) lần với số tiền 1.200.000 đồng.

Trong quá trình điều tra và đơn xin xét xử vắng mặt, các bị hại ông L, ông G yêu cầu D trả lại số tiền đã chiếm đoạt. Các ông Q, bà Đ, bà A, ông N không đề nghị lấy lại số tiền đối với Hoàng Văn D và không đề nghị, yêu cầu bồi thường gì thêm đối với bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan N2 trình bày: Khoảng 12 giờ ngày 23/3/2023, khi bà đang nằm nghỉ trong giường cách quầy 03 mét có nghe thấy cuộc nói chuyện của chồng là Q và Hoàng Văn D. Sau đó, chồng tôi đưa 190.000 đồng cho D. Nay bà không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt. Ngoài ra, bà không yêu cầu bị cáo bồi thường và cũng không đề nghị, yêu cầu gì thêm.

Kết thúc phần xét hỏi tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Hoàng Văn D về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn D phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn D từ 12 (mười hai) tháng tù đến 18 (mười tám) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Q, bà Đ, bà A, ông N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà N2 không có yêu cầu bồi thường, đề nghị gì nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Bị cáo phải bồi thường số tiền 1.200.000 đồng cho bà N và ông L, đều sinh năm 1971, cùng trú tại xóm Đ, xã Đ, huyện T; Bị cáo phải bồi thường cho ông G, sinh năm 1973, trú tại xóm B, xã C, huyện T số tiền 250.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến gì tranh luận thêm. Khi được nói lời sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét để bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trùng Khánh, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua quá trình xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Văn D đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và tài liệu khác thu thập được phản ánh trong hồ sơ, nên có cơ sở để kết luận: Ngày 03/10/2022, Hoàng Văn D, sinh năm 1995, trú tại xóm Đ, xã P, huyện T, tỉnh C bị Công an huyện Trùng Khánh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản với hình thức xử phạt chính là phạt tiền 2.500.000 đồng. Trong tháng 02 và tháng 3 năm 2023, D đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản (tiền) của các bị hại sau: vợ chồng bà N1 và ông L, số tiền 1.200.000 đồng; anh Q, số tiền 190.000 đồng; anh G, số tiền 250.000 đồng; bà A, số tiền 230.000 đồng; bà Đ, số tiền 200.000 đồng; ông N, số tiền 200.000 đồng. Tổng số tiền chiếm đoạt được 2.270.000 đồng. Mục đích Hoàng Văn D thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản để lấy tiền chi dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy và chi tiêu cá nhân.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật. Nhưng do bản thân mắc nghiện, vì động cơ cá nhân nên lợi dụng việc được người khác tin tưởng mượn tài sản đã tự ý định đoạt, xâm phạm đến quyền sở hữu của chủ sở hữu hợp pháp; phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp tài sản của người khác, ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo đã 09 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản (tiền) của người khác có tổng giá trị 2.270.000 đồng (hai hai trăm bảy mươi nghìn đồng), trước đó bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đây là tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 1 Điều

174 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự mới tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

Do vậy, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để kết tội bị cáo D phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố bị cáo về tội danh và Điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, có 01 tiền án và 02 tiền sự nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân để tu dưỡng rèn luyện mình trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội mà còn liên tiếp thực hiện nhiều hành vi phạm tội nên có nhân thân xấu.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, khi quyết định hình phạt cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo D.

Về tình tiết tăng nặng: Tại Bản Cáo trạng và tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự “*Tái phạm*”. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo đã có tiền án chưa được xóa án tích mà vẫn tiếp tục có hành vi phạm tội nên việc áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự “*Tái phạm*” đối với bị cáo là có căn cứ cần được chấp nhận.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Văn D phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và xử phạt bị cáo từ 12 (mười hai) tháng tù đến 18 (mười tám) tháng tù. Xét thấy mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Xét về nhân thân và tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức cao nhất mà viện kiểm sát đã đề nghị đối với bị cáo mới đủ để răn đe và giúp bị cáo cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, bản thân nghiện ma túy nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt, các bị hại: ông Q, bà Đ, bà A, ông N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà N2 không có yêu cầu bồi thường.

Xét thấy đây là quyền tự định đoạt về tài sản của các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo phải bồi thường số tiền 1.200.000 đồng cho bà N1 và ông L, đều sinh năm 1971, cùng trú tại xóm Đ, xã Đ, huyện T; Bị cáo phải bồi thường cho ông G, sinh năm 1973, trú tại xóm B, xã C, huyện T số tiền 250.000 đồng.

[7]. Về vật chứng và tài sản tạm giữ:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) tờ giấy có kích thước 16cm x 8cm là loại mực giấy in được cắt ra từ sổ bán hàng (thuốc) một mặt có nội dung bằng bút mực xanh (đã được dùng bút dạ quang ghi đè lên) có chữ ký của người cung cấp (Đ) và Điều tra viên. Tờ giấy mô tả trên được đựng trong (01) một phong bì ghi: “Tờ giấy do bà Đ cung cấp ngày 12/4/2023” mặt sau phong bì có đóng hình con dấu của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh, do bà Đ không yêu cầu được trả lại và đây là vật chứng không có giá trị.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn D: 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C, số 040170001269, do Sở Giao thông vận tải tỉnh Cao Bằng cấp ngày 14/3/2023 mang tên Hoàng Văn D.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Hoàng Văn D** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn D** 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/4/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 587; Điều 589; khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự

Bị cáo phải bồi thường số tiền 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) cho bà N1 và ông L, đều sinh năm 1971, cùng trú tại xóm Đ, xã Đ, huyện T; Bị cáo phải bồi thường cho ông G, sinh năm 1973, trú tại xóm B, xã C, huyện T số tiền 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ khi có quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án dân sự, nếu người phải bồi thường chưa thanh toán số tiền trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo mức lãi xuất cơ bản của ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với số tiền chưa thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) tờ giấy có kích thước 16cm x 8cm là loại mực giấy in được cắt ra từ sổ bán hàng (thuốc) một mặt có nội dung bằng bút mực xanh (đã được dùng bút dạ quang ghi đề lên) có chữ ký của người cung cấp (Đ) và Điều tra viên. Tờ giấy mô tả trên được đựng trong (01) một phong bì ghi: “Tờ giấy do bà Đ cung cấp ngày 12/4/2023” mặt sau phong bì có đóng hình con dấu của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh.

- Trả lại cho chủ sở hữu là bị cáo D: 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C, số 040170001269, do Sở Giao thông vận tải tỉnh Cao Bằng cấp ngày 14/3/2023 mang tên D.

Xác nhận số vật chứng trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, theo biên bản ngày 28 tháng 6 năm 2023.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Hoàng Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng để sung ngân sách Nhà nước).

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại N có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; những bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Trùng Khánh;
- Công an huyện; Nhà tạm giữ CATK;
- Chi cục THADS huyện Trùng Khánh;
- UBND xã Phong Nặm (bằng TB);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Quốc Hùng

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phương Văn Tư Nguyễn Văn Khoa

Nông Quốc Hùng